25/08/2026
màu xanh

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số:.....17...../BROTHERSVN/2026

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

– Tên tổ chức, cá nhân bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ BROTHERS VIỆT NAM;

– Tên tổ chức, cá nhân bằng tiếng nước ngoài: BROTHERS VIET NAM INTERNATIONAL INVESTMENT CO.,LTD

– Địa chỉ trụ sở chính: Km16 Quốc Lộ 17, Khu Phố Thường Vũ, Phường Mão Điền, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam;

– Điện thoại: 0336490041. Fax: .....

– E-mail: brothersvn.2025@gmail.com

– Mã số doanh nghiệp: 2301339488

– Số giấy chứng nhận Hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018: 9199301822370-FSMS, cấp ngày 01/12/2025 bởi Công ty cổ phần chứng nhận và giám định quốc tế ISOCERT theo quyết định số 011225.03/QĐ-ISOCERT

II. Thông tin về sản phẩm

1.Tên sản phẩm: LẠP XƯỞNG NGUYÊN VỊ

2.Thành phần: Thịt heo, thịt gà (chiếm ≥80% sản phẩm), nước sạch, tinh bột biến tính, đường tinh luyện, đường trehalose, protein đậu nành, muối ăn, gluten lúa mì, bột tiêu trắng, mononatri glutamat (INS 621), polyphosphat (INS 450(i); 451(i); 452(i)), carrageenan (INS 407), xanthan gum (INS 415), konjac gum (INS 425), kali clorua (INS 508), natri bicarbonat (INS 500(ii)), hương liệu tổng hợp, ethyl maltol (INS 637), natri erythorbat (INS 316), màu tự nhiên gạo men đỏ, màu thực phẩm Ponceau 4R (INS 124), natri nitrit (INS 250), ruột heo muối.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 12 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

- Chất liệu bao bì: Sản phẩm được chứa trong bao bì màng phức hợp, thành phần tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm là PA+PE, được hút chân không và đặt trong thùng carton.

- Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh trong thùng carton: 14kg (700g/1 gói x 20 gói)

Có thể điều chỉnh đóng gói theo yêu cầu của khách hàng

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ BROTHERS VIỆT NAM. Địa chỉ: Km16 Quốc Lộ 17, Khu Phố Thường Vũ, Phường Mão Điền, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm *(đính kèm mẫu nhãn sản phẩm hoặc mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)*

Tên sản phẩm : Lạp xưởng nguyên vị
Loại sản phẩm: Sản phẩm từ thịt xay, đã qua xử lý nhiệt, đông lạnh

Thành phần : Thịt heo, thịt gà (chiếm ≥80% sản phẩm), nước sạch, tinh bột biến tính, đường tinh luyện, đường trehalose, protein đậu nành, muối ăn, gluten lúa mì, bột tiêu trắng, mononatri glutamat (INS 621), polyphosphat (INS 450(i); 451(i); 452(i)), carrageenan (INS 407), xanthan gum (INS 415), konjac gum (INS 425), kali clorua (INS 508), natri bicarbonat (INS 500(ii)), hương liệu tổng hợp, ethyl maltol (INS 637), natri erythorbat (INS 316), màu tự nhiên gạo men đỏ, màu thực phẩm Ponceau 4R (INS 124), natri nitrit (INS 250), ruột heo muối.
Thông tin cảnh báo chất gây dị ứng: Sản phẩm có chứa protein đậu nành và gluten lúa mì
Hướng dẫn sử dụng: Không cần rã đông trước khi chế biến. Không sử dụng trực tiếp, nên nướng, chiên hoặc làm nóng bằng lò vi sóng trước khi sử dụng.
Ngày sản xuất: Xem trên bao bì **Hạn sử dụng:** 12 tháng
Điều kiện bảo quản: Bảo quản ở nhiệt độ -18°C hoặc thấp hơn
Xuất xứ: Việt Nam
Nhà sản xuất: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ BROTHERS VIỆT NAM
Địa chỉ sản xuất: Km 16 Quốc lộ 17, khu phố Thường Vũ, phường Mão Điền, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Sản phẩm được sản xuất tại Nhà máy áp dụng hệ thống quản lý an toàn thực phẩm phù hợp theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018, được chứng nhận bởi ISOCERT

Thành phần dinh dưỡng trên 100g

Thành phần	Trong 100g	Giá trị tham chiếu dinh dưỡng %
Năng lượng	291.68 kcal	15%
Protein	11.8 g	24%
Chất béo	20.9 g	37%
Carbohydrate	13.62 g	4%
Natri	647 mg	32%

Khối lượng tịnh : 700g

8 938565 718028

(*) Chỉ tiêu dinh dưỡng không thấp hơn 70% giá trị ghi trên nhãn

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Sản phẩm của Công ty được kiểm soát và đạt các chỉ tiêu về an toàn thực phẩm:

– QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức tối đa
1	Cadimi (Cd)	mg/kg	0.05
2	Chì	mg/kg	0.1

– QCVN 8-3:2012/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm

TT	Tên chỉ tiêu	ĐVT	Mức tối đa
1	TSVSVHK	CFU/g	5×10^6
2	E.Coli	CFU/g	5×10^3

3	Salmonella	CFU/g	Không phát hiện trong 25g

– Thông tư số 24/2019/TT-BYT về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

(Đơn vị: mg/kg)

TT	Tên phụ gia tiếng Việt	INS	Mức tối đa
1	Ponceau 4R	124	500
2	Natri nitrit	250	80
3	Nhóm phosphat (diphosphat, triphosphat, polyphosphat)	450(i); 451(i); 452(i)	1320

Ghi chú: Tổng hàm lượng phosphat tính theo P

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Bắc Ninh, ngày 25 tháng 08 Năm 2026

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, đóng dấu)

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ BROTHERS VIỆT NAM

GIÁM ĐỐC

Bùi Thị Sâm

BẢN SAO
COPY

SỞ TÀI CHÍNH TỈNH BẮC NINH
PHÒNG ĐĂNG KÝ KINH DOANH VÀ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 2301339488

Đăng ký lần đầu: ngày 13 tháng 06 năm 2025

Đăng ký thay đổi lần thứ: 1, ngày 30 tháng 09 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ BROTHERS VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: BROTHERS VIET NAM INTERNATIONAL INVESTMENT COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: BROTHERS VIET NAM INTERNATIONAL INVESTMENT CO.,LTD

2. Địa chỉ trụ sở chính

Km16 Quốc Lộ 17, Khu Phố Thường Vũ, Phường Mão Điền, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: *0336490041* Số Fax:

Thư điện tử: *brothersvn.2025@gmail.com* Website:

3. Vốn điều lệ : 6.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Sáu tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ, chữ đệm và tên: BÙI THỊ SÂM Giới tính: *Nữ*

Ngày, tháng, năm sinh: *11/01/1998* Quốc tịch: *Việt Nam*

Số định danh cá nhân: 017198003173

Địa chỉ liên lạc: *Nhà ông Bùi Văn Bảy, Xóm Mặc, Xã Đại Đồng, Tỉnh Phú Thọ, Việt Nam*

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

BẢN SAO
COPY

ISOCERT
Hài Hòa Cùng Thịnh Vượng

GIẤY CHỨNG NHẬN

Số 9199301822370-FSMS

CHỨNG NHẬN HỆ THỐNG QUẢN LÝ AN TOÀN THỰC PHẨM CỦA

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ BROTHERS VIỆT NAM

Trụ sở chính và Xưởng sản xuất: Km16 Quốc Lộ 17, Khu Phố Thường Vũ, Phường Mão Điền, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 1108 quyển số 01 - SCT/BS
Ngày 05 tháng 12 năm 2025

Được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn:

ISO 22000:2018

PHẠM VI CHỨNG NHẬN:

Sản xuất và kinh doanh lạp xưởng.
(Mã ngành: CIV, FI)

Ngày chứng nhận	: 01.12.2025
Ngày phát hành	: 01.12.2025
Ngày hết hạn	: 30.11.2028
Chi tiết tại quyết định số	: 011225.03/QĐ-ISOCERT

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN ĐỨC HUẤN

CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN ĐỨC HUẤN

Mã Truy Xuất Chứng Chỉ:
9199301822370

VICAS 067-FSMS

ISOCERT
ISO 22000:2018

GIÁM ĐỐC

ThS. Vũ Hoàng Tuấn

Tra cứu hiệu lực chứng chỉ tại: https://isocert.org.vn/tra-cuu-chung-chi-iso

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT
Số 40 dãy A, Lô 12 KĐT mới Định Công, Phường Phương Liệt, Thành phố Hà Nội
Hotline: 1900.636.538, **VPHN:** 02473.036.538, **VPHCM:** 02873.056.538, **Email:** contacts@isocert.org.vn, **Website:** http://isocert.org.vn

BẢN SAO
COPY

CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT

Số: 011225.03/QĐ-ISOCERT
v/v cấp giấy chứng nhận phù hợp tiêu chuẩn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm ISO 22000:2018

GIÁM ĐỐC

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký hoạt động số 314/TĐC - HCHQ ngày 24/01/2024 của Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng;

Căn cứ vào quy định về đánh giá HTQL của Công ty CP chứng nhận và giám định quốc tế ISOCERT;

Căn cứ vào báo cáo kết quả của Đoàn chuyên gia đánh giá và kết quả thẩm xét hồ sơ chứng nhận;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018 cho **Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Brothers Việt Nam** có địa chỉ Trụ sở chính và Xưởng sản xuất tại: Km16 Quốc Lộ 17, Khu Phố Thường Vũ, Phường Mão Điền, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam trong lĩnh vực hoạt động: Sản xuất và kinh doanh lạp xưởng (Mã ngành: CIV, FI).

Lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 109 quyển số 01 - SCT/BS
Ngày 2 tháng 12 năm 2025

Điều 2. Giấy chứng nhận này có hiệu lực trong thời gian 03 năm kể từ ngày 01 tháng 12 năm 2025 đến ngày 30 tháng 11 năm 2028.

Trong thời gian hiệu lực của Giấy chứng nhận, **Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Brothers Việt Nam** được phép sử dụng Giấy chứng nhận số **9199301822370-FSMS** và được sử dụng dấu chứng nhận của ISOCERT cho lĩnh vực hoạt động nêu trên.

Điều 3. Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Brothers Việt Nam có trách nhiệm duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý An toàn thực phẩm theo tiêu chuẩn ISO 22000:2018 và được ISOCERT đánh giá giám sát định kỳ 1 năm/1 lần, tổng cộng 02 lần trong 03 năm./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- Lưu hồ sơ.

Fax: EMS: Mail:

GIÁM ĐỐC

S.Đ.K.H.Đ:27-C.T.H.D VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN ĐỨC HUẤN P.THUẬN THÀNH - T.BẮC NINH

CÔNG TY CP CHỨNG NHẬN VÀ GIÁM ĐỊNH QUỐC TẾ ISOCERT M.S.D.N: 0108123816

CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN ĐỨC HUẤN

Lưu ý: - Quyết định này có giá trị 01 (một) năm kể từ ngày ký.
- Công ty TNHH Đầu tư Quốc tế Brothers Việt Nam phải đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật và chịu trách nhiệm về sản phẩm, dịch vụ khi cung cấp ra thị trường.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ BROTHERS VIỆT NAM
Km16 Quốc Lộ 17, Khu Phố Thường Vũ, Phường Mão Điền
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : EEZ62511190125-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00228742

Mã số EoI : 005-32410-600074
Tên mẫu : Lạp xưởng nguyên vị
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu : 20/11/2025
Thời gian thử nghiệm : 20/11/2025 - 28/11/2025
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 26/11/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VW020 VW (a) *Salmonella spp.*	/25 g	ISO 6579-1:2017/Amd.1:2020	Không phát hiện
2	VW019 VW (a) *Escherichia coli*	cfu/ g	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VW012 VW (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	$8.7x10^2$
4	VD157 VD (a) Xơ Dinh Dưỡng	g/ 100 g	AOAC 991.43	0.77
5	VW044 VW (a) Độ ẩm	%	TCVN 8135:2009	50.8
6	VW00T VW (a) Đạm	g/ 100 g	TCVN 8134:2009	11.8
7	VW050 VW (a) Béo	g/ 100 g	TCVN 8136:2009 (ISO 1443:1973)	20.9
8	VWWS6 VW Carbohydrat (không bao gồm xơ dinh dưỡng)	g/ 100 g	FAO Food and Nutrition paper 77 Chapter 2/section 2.3:2003	13.62
9	VD4P0 VD (a) Đường tổng	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	4.37
10	VD4P0 VD (a) Fructose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
11	VD4P0 VD (a) Glucose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Phát hiện vết(<0.5)
12	VD4P0 VD (a) Lactose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Không phát hiện (LOD=0.15)
13	VD4P0 VD (a) Maltose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	Phát hiện vết(<0.5)
14	VD4P0 VD (a) Sucrose	g/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-4978 (Tham khảo AOAC 977.20)	3.87
15	VD839 VD (a) Amoniac (NH_3)	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-5858 (Tham khảo TCVN 3706:1990)	14.7
16	VD1YY VD (a) Chỉ số peroxit	meqO2/ kg	EVN-R-RD-2-TP-3623 (Ref. TCVN 6121:2018; ISO 3960:2017)	Không phát hiện (LOD=0.013)
17	VD77N VD Định Tính H2S	mg/ kg	TCVN 3699:1990	Âm tính (LOD=2)

Lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 102 quyển số 01 - SCT/BS
Ngày 6 tháng 1 năm 2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2025-00228742

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
18	VD279 VD (a) **Natri (Na)**	mg/ 100 g	EVN-R-RD-2-TP-3500 (Ref. AOAC 969.23)	647
19	VW073 VW (a) **Cadimi (Cd)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
20	VD32A VD (a) **Benzo(a)pyrene**	µg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-11260 (Tham khảo AOAC 973.30)	Không phát hiện (LOD=0.2)
21	VD221 VD (a) **Nitrite (NO_2^-)**	mg/ kg	AOAC 973.31	Không phát hiện (LOD=3)
22	VW072 VW (a) **Chì (Pb)**	mg/ kg	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.017)
23	VWL74 VW **Năng lượng (Bao gồm xơ dinh dưỡng)**	kcal/ 100 g	FAO 2003 77	291.68
24	VW043 VW (a) **pH (10%)**		TCVN 4835:2002 (ISO 2917:1999)	6.68
25	VW045 VW (a) **Tro tổng**	%	TCVN 7142:2002 (ISO 936:1998)	2.0

Phát hiện vết: kết quả ≥ LOD và < LOQ.
LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.
LOQ: Giới hạn định lượng của phương pháp.

Ký tên

Lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 102 quyển số 01 - SCT/BS
Ngày 7 tháng 6 năm 2026

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc

CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 28/11/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 28/11/2025.

Ghi chú giải thích

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và không có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại phòng thí nghiệm Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.
(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017. VILAS 238.

VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ THÚY NGA

CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN THỊ THÚY NGA

eurofins | Sac Ky Hai Dang

AR-25-VD-242233-01 / EUVNHC-00384074- Trang : 1 / 1

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

BẢN SAO

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ BROTHERS VIỆT NAM
Km16 Quốc Lộ 17, Khu Phố Thường Vũ, Phường Mão Điền
Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
Mã số PO của khách hàng : EEZ62511190125-HN

Mã số mẫu : 743-2025-00228743

Mã số Eol : 005-32410-600075
Tên mẫu : Lạp xưởng nguyên vị
Tình trạng mẫu : Mẫu đựng trong túi nhựa
Ngày nhận mẫu : 20/11/2025
Thời gian thử nghiệm : 21/11/2025 - 11/12/2025
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 12/12/2025

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD96Z EXT **Ấu trùng giun xoắn (Trichinella)**		TCVN 5733:1993	Không phát hiện
2	VD5GG EXT **Ponceau 4R**	mg/ kg	CASE.SK.0061 (2022)	Không phát hiện (LOD=5)
3	VDG3E EXT **Gạo heo-Nang ấu trùng sán dải heo (Cysticercus cellulosae)**		TCVN 5733:1993	Không phát hiện

Ký tên

Lời chứng chứng thực bản sao từ bản chính
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 102 quyển số 01 - SCT/BS
Ngày 17 tháng 6 năm 2026

M.S.D.N: 0311526806-C.T.T.N.H.H. CÔNG TY TNHH EUROFINS SẮC KÝ HẢI ĐĂNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Trần Thị Mỹ Dung
Giám Đốc Chi Nhánh Miền Bắc

Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Trần Thị Mỹ Dung 12/12/2025, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 12/12/2025.

Ghi chú giải thích
Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thoả thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.
Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.
Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thoả thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tại-việt-nam/eurofins-sắc-ký-hải-đăng/điều-khoản-và-điều-kiện-chung-về-cung-cấp-dịch-vụ/.
Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.
Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, phương pháp nội bộ,...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
Các phép thử bắt đầu bởi ký tự "VD", "VE", "VW" và có ký tự "EXT" đi kèm được thực hiện tại các phòng thí nghiệm ngoài hệ thống Eurofins.

S.Đ.K.H.Đ: 16-C.T.H.D VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ THÚY NGA P.THUẬN THÀNH - T.BẮC NINH

CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN THỊ THÚY NGA

BỘ Y TẾ/ *MINISTRY OF HEALTH*
VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL INSTITUTE FOR FOOD CONTROL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM
Independence - Freedom - Happiness

Số: 14699/PKN-VKNQG

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM
TEST REPORT

BẢN SAO

(Kết quả kiểm nghiệm chỉ có giá trị với mẫu đem thử)

1. Tên mẫu: Lạp xưởng nguyên vị
2. Mã số mẫu: 02262916/DV.1
3. Nơi gửi mẫu: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ QUỐC TẾ BROTHERS VIỆT NAM
   Địa chỉ: Km16 Quốc lộ 17 Khu phố Thường Vũ, Phường Mão Điền, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
4. Ngày nhận mẫu: 27/02/2026
5. Số lượng mẫu: 01 mẫu
6. Thời gian kiểm nghiệm: 27/02/2026 - 12/03/2026
7. Mô tả mẫu: Mẫu đựng trong túi hàn mép, thông tin mẫu viết tay dán trên túi, 700g/túi, nhiệt độ mẫu tại thời điểm nhận là : 5 °C. Không có mẫu lưu. Số lượng: 1. NSX: Không có - HSD: Không có
8. Thời gian lưu mẫu: Không có mẫu lưu
9. Kết quả kiểm nghiệm: Các chỉ tiêu Hóa lý

Là chứng thực bản sao từ bản chính
Chứng thực bản sao đúng với bản chính
Số chứng thực 102 quyển số 01 - SCT/BS
Ngày 7 tháng 6 năm 2026

TT	Chỉ tiêu kiểm nghiệm	Phương pháp kiểm nghiệm	Đơn vị	Kết quả
9.1*	Hàm lượng Natri hexametaphosphat	NIFC.02.M.35 (IC)	mg/kg	459
9.2*	Hàm lượng Natri pyrophosphat	NIFC.02.M.35 (IC)	mg/kg	1146
9.3*	Hàm lượng Natri Tripolyphosphat	NIFC.02.M.35 (IC)	mg/kg	286

10. Ghi chú:

10.1 (*) Phép thử được công nhận phù hợp theo yêu cầu của ISO/IEC 17025/ Method is accredited in accordance with ISO/IEC 17025; (a) – Phép thử được chỉ định bởi cơ quan quản lý/Method is designated by the regulatory authority.

10.2. (-) Không áp dụng/Not applicable.

10.3. KPH - Không phát hiện/ ND - Not detected; LOD - Giới hạn phát hiện của phương pháp thử/ The detection limit of the method; LOQ - Giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of the method; eLOD$_{50}$ là giới hạn phát hiện LOD$_{50}$ ước tính với xác suất phát hiện là 50%/ estimated limit of detection at 50%.

10.4. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả kiểm nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia/ This report shall not be reproduced partly without the written approval of National Institute for Food Control.

10.5. Viện Kiểm nghiệm an toàn vệ sinh thực phẩm quốc gia chỉ chịu trách nhiệm về kết quả kiểm nghiệm của mẫu thử. Các thông tin về tính xác thực và độ tin cậy của mẫu do khách hàng cung cấp và chịu hoàn toàn trách nhiệm/ National Institute for Food Control is only responsible for the testing results of the sample. Sample information has been provided by the customer, who is also responsible for the authenticity and validity of the sample.

10.6. Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định/ Complaints shall not be resolved in case the storage sample is unavailable or out of storage time.

Hà Nội, ngày 12 tháng 03 năm 2026

S.Đ.K.H.Đ:16-C.T.H.D
VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG NGUYỄN THỊ THÚY NGA
P.THUẬN THÀNH - T.BẮC NINH

CÔNG CHỨNG VIÊN
NGUYỄN THỊ THÚY NGA

TUQ.VIỆN TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA
VI SINH VÀ BIẾN ĐỔI GEN

VIỆN KIỂM NGHIỆM AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM QUỐC GIA

TS. Nguyễn Thành Trung